

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 166/2023/HSST

Ngày 24-10-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

2. Ông Quách Đình Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Thanh An - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 151/2023/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Xuân V** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1997, tại: Gia Lai. Nơi thường trú: **Tổ dân phố B, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai**; nơi tạm trú: **1/1 Ngô Gia K, Tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai**; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Xuân K1**, sinh năm 1970 và bà **Huỳnh Thị Minh T**, sinh năm 1980. Bị cáo có vợ: **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm 2000 và có 01 con, sinh năm 2022.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2023 đến ngày 05/7/2023, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P.

Có mặt

*** Những người tham gia tố tụng:**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 2000. Địa chỉ: 1 N, Tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Ông Vũ Xuân H1, sinh năm 1965. Địa chỉ: H H, Tổ G, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân V sử dụng chất ma túy từ khoảng thời gian cuối năm 2022. Qua các mối quan hệ ngoài xã hội, V biết đối tượng B (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người bán ma túy. Khoảng 20 giờ ngày 24/6/2023, sau khi nhậu xong, V nảy sinh ý định đến quán Beer Club P tại Tổ G, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai để nghe nhạc nên gọi điện thoại cho B hỏi mua ma túy thuốc Lắc để sử dụng. B đồng ý và hẹn giao dịch tại khu vực trước quán B1.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, V đón xe taxi (chưa rõ biển số và người điều khiển) chở đến điểm hẹn gặp B và đã mua 01 viên ma túy thuốc Lắc với giá 300.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, V thay đổi ý định không vào quán B1 nghe nhạc mà đi về nhà thuê tại số G đường L, Tổ E, phường P, thành phố P. Về đến nhà, V cất giấu viên ma túy vào túi quần vải màu đen của V rồi treo lên dây phơi đồ trong nhà để tránh sự phát hiện của người thân với mục đích để sử dụng sau. Đến 12 giờ 45 phút ngày 26/6/2023, khi V đang ở nhà thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố P phát hiện bắt quả tang, thu giữ trong túi quần của V treo trên dây phơi đồ 01 gói nilon bên trong chứa 01 viên nén màu cam (được niêm phong theo quy định). Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của V 01 chiếc điện thoại hiệu Oppo kèm sim số (mặt sim có dãy số 89840 48000 90566 0039) và 01 chiếc quần vải màu đen.

Tại bản Kết luận giám định số 587/KL-KTHS ngày 04/7/2023 của phòng K2 Công an tỉnh G, kết luận: “*Một viên nén màu cam trong 01 gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,3511 gam*”.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim số và 01 chiếc quần vải màu đen là của bị cáo Nguyễn Xuân V, bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại này liên lạc với đối tượng B để mua ma túy và sử dụng chiếc quần vải để cất giấu ma túy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chuyển theo vụ án, để xử lý gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim số.
- 01 chiếc quần vải màu đen.
- Chất ma túy loại MDMA còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 587/PC09 ngày 04/7/2023, có dấu niêm phong của phòng K2 Công an tỉnh G.

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung nêu trên.

Bản cáo trạng số: 171/CT-VKS ngày 02/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Xuân V, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận:

Trước khi bị bắt, bị cáo và vợ là chị Lê Thị Ngọc H thuê nhà tại G đường L, Tổ E, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai để sinh sống và mở tiệm cắt tóc. Thu

nhập bình quân hàng tháng từ nghề hót tóc là 10.000.000đồng/tháng. Bị cáo đã có một con chung sinh năm 2022 và hiện nay chị H đã có thai con thứ hai được 6 tháng. Từ khi bị cáo bị bắt tạm giam, vợ và con đã chuyển về nhà ông bà ngoại để sinh sống do chị H không có việc làm và thu nhập gì.

Đối tượng bán ma túy tên B, bị cáo chỉ gặp 01 lần và không biết nhân thân, lai lịch của người này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Lê Thị Ngọc H trình bày:

Chị H làm công việc nội trợ và nuôi con nên không có thu nhập gì. Toàn bộ thu nhập của gia đình đều phụ thuộc vào anh V làm nghề thợ cắt tóc. Từ khi anh V bị bắt cho tới nay, gia đình không còn nguồn thu nhập nào nên không còn thuê nhà tại số G đường L, Tổ E, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai mà chuyển về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của chị H tại: 1 N, Tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Hiện cha ruột của chị H là ông Lê Văn T1 đồng ý cho vợ chồng chị H cùng sinh sống tại nhà của ông T1. Chị H đã đăng ký tạm trú cho bị cáo V tại địa chỉ này, thời hạn tạm trú từ ngày 24/10/2023 đến hết ngày 24/10/2025. Nay chị H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh của chị H để cho bị cáo V được tại ngoại để lo cho chị H và con vì còn khoảng 03 tháng nữa là chị H sinh con thứ hai.

Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Xuân V và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 và Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân V mức án từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; hình phạt bổ sung: Không.

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với 01 chiếc quần vải màu đen và chất ma túy loại MDMA còn lại sau giám định.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim số.

Bị cáo Nguyễn Xuân V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Xuân V không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Bị cáo Nguyễn Xuân V nói lời nói sau cùng:

Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và thấy hối hận. Bị cáo V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh của gia đình bị cáo đang rất khó khăn để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo cam kết sẽ chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Xuân V tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai của bị cáo có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với các tài liệu: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định bị cáo đã thực hiện hành vi như sau:

Vào lúc 12 giờ 45 phút ngày 26/6/2023, tại số nhà G đường L, Tổ E, phường P, thành phố P, khi Nguyễn Xuân V đang giấu trong túi quần của V treo trên dây phơi đồ 01 gói nilon bên trong chứa 01 viên nén màu cam là ma túy loại MDMA, khối lượng 0,3511 gam thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

Bị cáo Nguyễn Xuân V hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn thỏa mãn cơn nghiện của mình nên đã cố ý tàng trữ ma túy nêu trên để sử dụng cho bản thân.

Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân V đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố bị cáo Nguyễn Xuân V là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Không.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do đó, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, gia đình bị cáo có đơn được chính quyền địa phương xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện có 01 con nhỏ sinh năm 2022, vợ bị cáo không có việc làm và đang mang thai tháng thứ 6. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các tình tiết về nhân thân này của bị cáo.

Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được chấp nhận.

[5] Về hình phạt:

[5.1] Bị cáo phạm tội nghiêm trọng, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

Khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ nhằm mục đích sử dụng là thấp so với mức quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như phân tích nêu trên, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt tù đối với bị cáo là thấp của khung hình phạt quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên.

[5.2] Bị cáo V có nhân thân tốt, thể hiện đây là lần đầu phạm tội. Bị cáo có vợ đang mang thai tháng thứ 6 và nuôi 01 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; vợ của bị cáo không có việc làm và đang ở nhờ tại nhà của cha mẹ ruột. Do đó, có căn cứ khẳng định việc bị cáo bị tạm giam làm cho gia đình của bị cáo lâm vào hoàn cảnh gia đình khó khăn. Căn cứ Thông báo về kết quả giải quyết đăng ký cư trú ngày 24/10/2023 của Công an phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì bị cáo V đã được đăng ký tạm trú tại nhà của ông Lê Văn T1 (cha ruột của chị H), thời hạn tạm trú từ ngày 24/10/2023 đến hết ngày 24/10/2025 nên bị cáo đã có nơi cư trú rõ ràng.

Việc bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân; thời gian bị cáo bị tạm giam đến nay đủ để bị cáo không còn lệ thuộc vào ma túy. Bị cáo có nghề nghiệp và là lao động duy nhất trong gia đình; có đủ các điều kiện để được xem xét cho hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, tạo điều kiện cho bị cáo được tại ngoại để lao động nuôi sống bản thân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và buộc bị cáo thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự cũng đủ tác dụng cải tạo, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động chính của gia đình, hoàn cảnh kinh tế gia đình đang lâm vào khó khăn và phạm tội không nhằm mục đích thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên về xem xét cho bị cáo được hưởng án treo và không áp dụng hình phạt bổ sung được chấp nhận.

[5.3] Hiện bị cáo đang bị tạm giam và không bị tạm giam về tội phạm khác. Do đó, căn cứ Khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Hội đồng xét xử quyết định trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

[6] Xử lý vật chứng:

Đối với ma túy loại MDMA còn lại sau giám định là vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và 01 chiếc quần vải màu đen, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim số đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục điều tra, xác minh nhân thân, lai lịch của đối tượng tên B là người đã bán ma túy cho bị cáo để xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân V phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ các điểm c Khoản 1 Điều 249, Điều 38, Điều 50, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân V 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án 24/10/2023.

Căn cứ Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; trả tự do cho bị cáo Nguyễn Xuân V ngay tại phiên tòa.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân V cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 bì công văn dán kín ghi số 587/PC09 ngày 04/7/2023, có dấu niêm phong của phòng K2 Công an tỉnh G.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quần vải màu đen (đã qua sử dụng)

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 1 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim số mặt sau có dãy số 8984048000905660039 (điện thoại cũ, đã qua sử dụng).

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/10/2023, giữa: Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku)

3. Căn cứ Khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân V phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tp Pleiku;
- Công an tp Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Đình Nguyên